BÀI GIẢNG: NGỮ ÂM VÀ TRỌNG ÂM
TIẾNG ANH 12 – LUYỆN THI TN THPT & ĐGNL
GIÁO VIÊN: CÙ THỊ THU THUỶ – TUYENSINH247.COM

OBJECTIVES

English phonetics & Stress

I – Nguyên âm

- Có 20 nguyên âm (vowel sounds): 12 nguyên âm đơn (monothongs) và 8 nguyên âm đôi (dipthongs).

- Có 5 nguyên âm chính: u, e, o, a, i

Nguyên âm dài	Ví dụ	Nguyên âm ngắn	Ví dụ
/i:/	seat /si:t/	/i/	sit/sit/
/æ/	hand /hænd/	/e/	pen/pen/
/u:/	mood /mu:d/:	/ʊ/	good /gʊd/
/a:/	part /pa:t/	/ʌ/	nut /nʌt/
/ɔ:/ hay /o:r/	port /po:t/	/ɒ/	pot /pɒt/
/3:/	first/fɜ: st/	/ə/	about /əˈbaʊt/

- Nguyên âm đôi

Nguyên âm đôi	Ví dụ
/ir/ hay /iə/	hear /hiə(r)/
/er/ or /ea/	bear /beə (r)/
/ei/	face /fers/
/ai/	fight /fait/
/ʊə/ or /ʊr/	tour /tʊə(r)/
/aʊ/	loud /laʊd/
/ɔi/	voice /vɔis/
/əʊ/	coat /cəʊt/

II. Phụ âm

Phụ âm hữu thanh	Ví dụ	Phụ âm vô thanh	Ví dụ
/b/	bird/b3:d/	/p/	Peaceful/'pi:sfl/
/g/	gang/gæŋ/	/f/	Fighting/'faitɪŋ/
/v/	visit/vizit/	/s/	Scenery/'si:nəri/

/z/	music/'mjuzik/	/ʃ/	Sugar/'ʃugə(r)/
/d/	tour /tʊə(r)/	/k/	Chemistry/'kemistri/
/dʒ/	jungle/dʒʌŋgl/	/t/	Complete /kəm'pli:t/
/ð/	voice /vɔis/	/θ/	Thoughtful/'0o:tfl/
/əʊ/	weather /weðə(r)/	/tʃ/	Chocolate/ tʃo:klət/
/ʒ/	vision/'viʒn/		
/m/	mother/maðə(r)/		
/ŋ/	song/soŋ/		
/l/	learn/l3:n/		
/j/	year /jiər/		
/n/	send /send/		
/h/	house /haus/		
/r/	ring /riŋ/		
/w/	wet /wet/		

III. Quy tắc phát âm

1. Cách phát âm của phụ âm G.

- G sẽ được phát âm là /g/ nếu đi sau G là các nguyên âm như a, u, o, e.

Ví dụ: game /geim/; gutter /ˈgʌt.ər/, gossip /ˈgɑː.səp/, gear /gɪr/

- G sẽ được phát âm thành /d3/ nếu đi ngay sau đó là các nguyên âm như i, y.

Ví dụ: giant /ˈdʒaɪ.ənt/, gipsy /ˈdʒɪp.si/.

2. Cách phát âm của phụ âm C.

- C sẽ được phát âm thành /k/ nếu sau đó là các nguyên âm như a, u, O.

Ví dụ: cabbage /ˈkæb.ɪdʒ/, confident /ˈkɑːn.fə.dənt/, cute /kjuːt/.

- C sẽ được phát âm thành /s/ nếu sau nó là các nguyên âm như: i, y và e.

Ví dụ: cytology /saɪˈtɑː.lə.dʒi/, cigarette /ˈsɪg.ə.ret/, cease /siːs/.

3. Cách phát âm của phụ âm J.

- Phụ âm J sẽ được phát âm là /d3/ trong hầu hết tất cả các trường hợp và sẽ không có cách đọc nào khác

Ví dụ: job /dʒɑːb/, jack /dʒæk/, jubilant /ˈdʒuː.bəl.ənt/

4. Nguyên âm "e"

Nếu từ được kết thúc với cụm nguyên âm + phụ âm + nguyên âm "e", thì nguyên âm "e" sẽ trở thành âm. câm, và nguyên âm trước phụ âm đó sẽ là nguyên âm đôi

Ví dụ: cure /kjʊr/, care /ker/, site /saɪt/

5. Cách phát âm đuôi

Phát âm đuôi	Quy tắc phát âm s/es	Ví dụ
Phát âm đuôi /s/	Kết thúc bằng các phụ âm vô thanh	cups / kʌps/, books / /bʊks/
Phát âm đuôi /z/	Kết thúc bằng các phụ âm hữu thanh hoặc kết thúc bằng nguyên âm.	doctors /ˈdɑːk.tɚ/, learns / /lɜːnz/
Phát âm đuôi /iz/	Kết thúc bằng các phụ âm vô thanh: /s/ /ʃ/ /tʃ/ và các phụ âm hữu thanh /z/,/ʒ/,/dʒ/	boxes /bɑːkiz/, watches /wɑːtʃiz/

Phát âm đuôi	Quy tắc phát âm ed	Ví dụ
Phát âm đuôi /t/	Khi động từ có phụ âm kết thúc là vô thanh (unvoiced consonant) /s/, /f/, /p/, /ʃ/, / tʃ/, /k/	looked /lʊkt/, washed /wɑːʃt/
Phát âm đuôi /id/	Động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/	started /stɑːrtid/, decided /dɪˈsaɪ.dɪd/
Phát âm đuôi /d/	Động từ kết thúc bằng nguyên âm hoặc phụ âm hữu thanh (voiced consonant)	cleaned /kliːnd/, believed /bɪˈliːv/

6. Quy tắc đánh trọng tâm

- QUY TẮC 1: Đa số các động từ có 2 âm tiết thì trọng âm chính được nhấn vào âm tiết thứ 2

Ví dụ: assist, forget, accept, relax, begin, enjoy...

Ngoại lệ: offer, happen, answer, enter, listen, open, publish...

- QUY TẮC 2: Đa số các danh từ và tính từ có 2 âm tiết thì trọng âm chính được nhấn vào âm tiết thứ nhất.

Ví dụ: summer, village, morning, mountain, busy, handsome, pretty…

Ngoại lệ: mistake, machine, result, effect...

- QUY TẮC 3: Một số từ vừa là danh từ vừa là động từ thì trọng âm chính nhấn vào âm tiết thứ nhất nếu là danh từ, trọng âm nhấn vào âm tiết thứ 2 nếu là động từ.

Ví dụ: present, record, import, contract, increase, decrease, suspect, insult, protest...

Ngoại lệ: visit, travel, promise trọng âm nhấn vào âm tiết thứ nhất, reply trọng âm nhấn vào âm tiết thứ 2.

- QUY TẮC 4: Danh từ ghép có trọng âm nhấn vào âm tiết đầu tiên.

Ví dụ: airport, bedroom, sunrise, raincoat, bookshop, dishwasher, high-school, film-maker...

- QUY TẮC 5: Tính từ ghép có trọng âm nhấn vào âm tiết thứ nhất.

Ví dụ: water-proof, carsick, homesick, praise-worthy, trust-worthy

Nếu là tính từ ghép mà từ đầu tiên là tính từ hoặc trạng từ hoặc kết thúc là đuôi ED thì trọng âm nhấn vào âm thứ 2.

Ví dụ: well-done, bad-tempered, well-informed, ill-treated...

- QUY TẮC 6: Động từ ghép có trọng âm nhấn vào âm thứ 2.

Ví dụ: overcome, overcook, undergo, undertake.....

- QUY TẮC 7: Các tính từ tận cùng là: ANT, ABLE, AL, ENT, FUL, LESS, Y thì trọng âm nhấn vào âm tiết đầu tiên.

Ví dụ: comfortable, careless, homeless, natural, distant, current, competent, absent...

Nếu là tính từ ghép mà từ đầu tiên là tính từ hoặc trạng từ hoặc kết thúc là đuôi ED thì trọng âm nhấn vào âm thứ 2.

Ví dụ: well-done, bad-tempered, well-informed, ill-treated...

- QUY TẮC 8: Các từ tận cùng là đuôi; IC, ICS, IAN, TION, SION thì trọng âm nhấn vào âm thứ 2 từ cuối lên.

Ví dụ: graphic, republic, scientific, statistics, musician, librarian, conservation, dictation, occasion, decision...

- QUY TẮC 9: Các từ tận cùng là đuôi CY, TY, PHY, ICAL thì trọng âm nhấn vào âm thứ 3 từ cuối lên.

Ví dụ: geology, geological, critical, photography, democracy, dependability...

- QUY TẮC 10: Các từ tận cùng là các đuôi : ADE, EE, ESE, EER, EETE, OO, OON, AIRE, IQUE thì trọng âm nhấn vào chính các âm này.

Ví dụ: bamboo, Vietnamese, Chinese, lemonade, refugee, degree, engineer, cigarettee....

WRAP UP